

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Võ Luyện

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1992

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Tiến B1, sinh năm 1990

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện nay đang làm việc tại Đài Loan.

(Chị B vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh B1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị B trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Tiến B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh

mâu thuẫn do không có tiếng nói chung. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Tiến B1.

Về con chung: chị và anh Phạm Tiến B1 có hai con chung là con Phạm Tường V, sinh ngày 16/5/2012, hiện đang ở cùng chị và con Phạm Phương A, sinh ngày 02/6/2016 hiện đang ở cùng anh B1. Ly hôn chị có nguyện vọng mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Phạm Tường V, anh B1 nuôi con Phạm Phương A, trường hợp anh B1 không có nguyện vọng nuôi con, chị xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Bị đơn là anh Phạm Tiến B1 không có ý kiến trình bày:*

* Bà Tạ Thị N là mẹ đẻ anh B1 trình bày: chị Phạm Thị B và anh Phạm Tiến B1 kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình vào năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị sống hoà thuận đến năm 2021 thì anh B1 đi lao động tại Đài Loan. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn bà không nắm rõ. Anh chị có hai con chung như chị B trình bày là đúng, anh chị không có tài sản chung, nợ chung. Nay chị B làm đơn xin ly hôn anh B1, bà đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Trong thời gian đi lao động ở nước ngoài, anh B1 vẫn thường xuyên liên lạc về nhà nhưng bà không biết địa chỉ chính xác của anh B1 nên không cung cấp cho Toà án được. Các Thông báo của Toà án gửi cho anh B1, bà đều báo cho anh B1 và anh B1 đã biết.

* Xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: chị Phạm Thị B và anh Phạm Tiến B1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, anh B1 có bố mẹ đẻ là ông Phạm Tiến N1 và bà Tạ Thị N cùng ở tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2022 thì anh B1 đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà, hiện nay anh B1 đang lao động tại Đài Loan. Khoảng năm 2023 thì không thấy chị B chung sống cùng gia đình anh B1 nữa. Anh chị có hai con chung là Phạm Thị Tường V, sinh ngày 16/5/2012 và Phạm Phương A, sinh ngày 02/6/2016, cháu V do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Phương A đang ở với bà nội. Anh chị không vay nợ tại các tổ chức ở địa phương.

* Nguyện vọng của cháu Phạm Phương A là ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu Phạm Tường V xin được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Phạm Thị B ly hôn anh Phạm Tiến B1, giao cháu Phương A cho anh B1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tường V1 cho chị B trực

tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, không giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Chị Phạm Thị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Phạm Thị B vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là anh Phạm Tiến B1 vắng mặt lần thứ hai đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Phạm Tiến B1 kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 28/01/2011, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh B1 đi làm ăn xa không quan tâm chăm sóc vợ con nên tình cảm vợ chồng không còn gắn bó. Do xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị B làm đơn xin ly hôn anh B1, anh B1 đã được Tòa án gửi Giấy triệu tập, thông báo nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án theo giấy báo của Tòa, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án. Như vậy anh B1 đã tự từ bỏ quyền lợi của mình đồng thời cũng thể hiện anh không còn tha thiết với hôn nhân của anh chị. Xét mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị B và anh Phạm Tiến B1 là có thật, khó có thể hàn gắn, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị B, xử cho chị Phạm Thị B ly hôn với anh Phạm Tiến B1.

[3.2] Về con chung: chị Phạm Thị B và anh Phạm Tiến B1 có hai con chung là con Phạm Tường V, sinh ngày 16/5/2012 và con Phạm Phương A, sinh ngày 02/6/2016. Mặc dù con V có nguyện vọng được ở với mẹ là chị B và con Phương A có nguyện vọng ở cùng với bố là anh B1 khi bố mẹ ly hôn nhưng xét anh B1 hiện nay đang lao động tại nước ngoài không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con và cũng không có ý kiến về việc nuôi con nên cần giao cả hai con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị B không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: chị Phạm Thị B không yêu cầu giải quyết, anh Phạm Tiến B1 không có ý kiến trình bày, vì vậy Tòa án không giải quyết việc phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh chị trong vụ án này. Chị Phạm Thị B và anh Phạm Tiến B1 có quyền khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng bằng vụ án khác khi cần.

[4] Chị Phạm Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Phạm Tiến B1.

2. Về con chung: giao con Phạm Tường V, sinh ngày 16/5/2012 và con Phạm Phương A, sinh ngày 02/6/2016 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng cho con. Anh B1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được ở với người trực tiếp nuôi dưỡng, có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị B, anh B1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần.

3. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0004422 ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, anh Phạm Tiến B1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hay niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy (Số ĐK:17/28-01-2011)
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền